



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 35

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1100107301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 11 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/GPPH do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2000.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 81B Quốc lộ 62, phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Chiêu	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2015
Ông Nguyễn Như Song	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Văn Đông	Thành viên	
Ông Phan Ngọc Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Phương	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Vũ Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thị Trọng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Đặng Quốc Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2015
	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Khải	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2015
Ông Đoàn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Khải. Ông Phan Ngọc Sơn được Ông Nguyễn Văn Khải ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Phan Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61207844/17860108-LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, được trình bày như số liệu tương ứng, đã được soát xét và kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo chấp nhận toàn phần lần lượt vào ngày 14 tháng 8 năm 2014, và ngày 25 tháng 3 năm 2015.



Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0048-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		310.734.583.463	152.267.322.673
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	25.039.615.545	30.160.919.250
111	1. Tiền		15.039.615.545	10.360.919.250
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	19.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.009.101.472	1.009.101.472
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.050.172.168	2.050.172.168
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.041.070.696)	(1.041.070.696)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		80.742.018.722	29.549.141.449
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	74.506.919.050	25.042.630.438
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	6.730.409.178	4.263.168.921
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.002.153.928	3.740.805.524
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(3.960.463.871)	(3.960.463.871)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		463.000.437	463.000.437
140	IV. Hàng tồn kho	10	202.368.602.976	89.995.865.749
141	1. Hàng tồn kho		202.368.602.976	91.938.865.749
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.943.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.575.244.748	1.552.294.753
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	277.177.820	202.812.918
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		618.454.428	1.349.481.835
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	679.612.500	-

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		85.245.919.557	87.920.135.155
220	I. Tài sản cố định		46.925.711.455	54.587.220.613
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	46.841.153.226	53.985.580.165
222	Nguyên giá		74.831.259.895	88.436.899.225
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.990.106.669)	(34.451.319.060)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	84.558.229	601.640.448
228	Nguyên giá		136.629.500	1.923.974.368
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(52.071.271)	(1.322.333.920)
230	II Bất động sản đầu tư	14	4.763.861.910	-
231	1. Nguyên giá		14.075.570.511	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(9.311.708.601)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	15	562.478.636	497.895.445
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		562.478.636	497.895.445
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	14.700.000.000	14.700.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		14.700.000.000	14.700.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		18.293.867.556	18.135.019.097
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	18.293.867.556	18.135.019.097
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		395.980.503.020	240.187.457.828

11/7/2015

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		265.548.431.536	113.434.730.251
310	I. Nợ ngắn hạn		265.518.545.508	113.404.844.223
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	13.052.754.133	25.521.692.027
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	1.287.769.240	1.083.957.820
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	47.326.592	2.289.725.512
314	4. Phải trả người lao động		2.627.146.168	5.066.987.541
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		542.421.777	298.592.784
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		210.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	2.035.881.091	4.263.093.183
320	8. Vay ngắn hạn	22	244.975.050.304	74.003.118.953
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		740.196.203	877.676.403
330	II. Nợ dài hạn		29.886.028	29.886.028
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.2	29.886.028	29.886.028
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		130.432.071.484	126.752.727.577
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	130.432.071.484	126.752.727.577
411	1. Vốn cổ phần		147.280.190.000	147.280.190.000
411a	- Cổ phiếu có đồng có quyền biểu quyết		147.280.190.000	147.280.190.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.894.688.720	24.894.688.720
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		49.627.325.328	49.627.325.328
421	4. Lỗi lũy kế		(91.370.132.564)	(95.049.476.471)
421a	- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước		(95.049.476.471)	(106.693.071.612)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.679.343.907	11.643.595.141
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		395.980.503.020	240.187.457.828

11/11/2015

Trương Thị Phương Linh
Người lập biểu

Dương Trường Linh
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

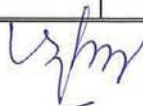
B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	348.014.251.196	256.627.065.339
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(4.204.999.746)	(649.865.322)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	343.809.251.450	255.977.200.017
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(330.084.196.780)	(242.211.385.871)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.725.054.670	13.765.814.146
21	6. Doanh thu tài chính	24.2	4.442.720.400	1.477.923.219
22	7. Chi phí tài chính	25	(4.372.736.789)	(2.587.006.959)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.959.777.349)	(1.657.616.008)
25	8. Chi phí bán hàng		(7.614.259.992)	(6.851.666.164)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(2.811.261.550)	(3.930.417.008)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.369.516.739	1.874.647.234
31	11. Thu nhập khác	26	1.253.815.149	79.901.960
32	12. Chi phí khác	26	(943.987.981)	(14.008.269)
40	13. Lợi nhuận khác	26	309.827.168	65.893.691
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.679.343.907	1.940.540.925
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.2	-	88.916.802
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.679.343.907	2.029.457.727
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.3	250	138
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.3	250	138


Trương Thị Phượng Linh
Người lập biểu


Dư Trường Linh
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.679.343.907	1.940.540.925
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	3.046.835.592 (1.943.000.000)	1.960.692.027 (142.209.381)
03	Hoàn nhập dự phòng			
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	25	330.063.851 (3.786.177.235)	682.120.692 (465.849.202)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	25	1.959.777.349	1.657.616.008
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.286.843.464	5.632.911.069
09	Tăng các khoản phải thu		(47.316.561.334)	(15.230.056.977)
10	Tăng hàng tồn kho		(110.429.737.227)	(102.087.055.394)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(18.785.580.240)	4.276.043.364
12	Tăng chi phí trả trước		(233.213.361)	(2.627.208.571)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.895.283.018)	(1.619.096.522)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.539.610	2.104.284.803
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.465.908.020)	(4.621.101.395)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(182.837.900.126)	(114.171.279.623)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(436.541.170)	(8.743.455.068)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		476.087.819	-
27	Tiền thu lãi và lợi nhuận được chia	26	7.072.622.384	1.975.960.314
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		7.112.169.033	(6.767.494.754)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được		421.123.341.159	281.874.844.959
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(250.522.112.990)	(178.883.694.572)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		170.601.228.169	102.991.150.387

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.124.502.924)	(17.947.623.990)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		30.160.919.250	28.649.256.457
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.199.219	715.524
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	25.039.615.545	10.702.347.991



Trương Thị Phượng Linh
Người lập biểu



Dư Trường Linh
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1100105380 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 11 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/GPPH do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2000.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 81B Quốc lộ 62, phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 621 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 964).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Việt Nam đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính giữa niên độ Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 31.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao và khấu trừ lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán giữa niên độ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	7 - 8 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	9 năm
Nhà cửa	5 - 20 năm
Tài sản khác	6 - 15 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.12 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với:

- ▶ Cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và chứng khoán kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và nợ vay.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	41.021.963	42.951.570
Tiền gửi ngân hàng	14.998.593.582	10.317.967.680
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	19.800.000.000
TỔNG CỘNG	25.039.615.545	30.160.919.250

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30 tháng 6 năm 2015			31 tháng 12 năm 2014			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần	
Chứng khoán kinh doanh							
Công ty Cổ phần Xuất khẩu	1.050.000.000	(1.041.070.696)	8.929.304	1.050.000.000	(1.041.070.696)	8.929.304	
Nông sản Ninh Thuận	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	
Công ty Cổ phần Điện cơ	172.168	-	172.168	172.168	-	172.168	
Khác	-	-	-	-	-	-	
TỔNG CỘNG	2.050.172.168	(1.041.070.696)	1.009.101.472	2.050.172.168	(1.041.070.696)	1.009.101.472	

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu từ khách hàng	74.506.919.050	22.879.477.089
<i>Công ty Intersnack Procurement B.V.</i>	47.506.549.500	15.426.337.500
<i>Công ty TNHH Target Agriculture</i>	11.442.898.025	6.875.976.049
<i>Khách hàng khác</i>	15.557.471.525	577.163.540
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	2.163.153.349
TỔNG CỘNG	74.506.919.050	25.042.630.438
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(471.419.448)	(471.419.448)
THUẬN	74.035.499.602	24.571.210.990

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Sita S.A.	1.579.459.464	1.579.459.464
Công ty TNHH SX CK DV TM Phúc Thắng	1.361.500.000	-
Công ty Samcad Holding	1.282.750.912	1.282.750.912
Trung Tâm Phát triển Công nghệ & Thiết bị	1.072.500.000	715.000.000
Các khoản trả trước khác	1.434.198.802	685.958.545
TỔNG CỘNG	6.730.409.178	4.263.168.921
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.480.544.423)	(3.480.544.423)
THUẬN	3.249.864.755	782.624.498

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ký quỹ mở thư tín dụng	2.564.133.276	44.500.000
Phải thu cổ tức	-	3.528.000.000
Phải thu khác	438.020.652	168.305.524
TỔNG CỘNG	3.002.153.928	3.740.805.524
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.500.000)	(8.500.000)
THUẬN	2.993.653.928	3.732.305.524

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

Tên	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể
		thu hồi		thu hồi
Công ty Sita S.A.	1.579.459.464	-	1.579.459.464	-
Công ty Samcad Holding	1.282.750.912	-	1.282.750.912	-
Các công ty khác	1.118.818.764	20.565.269	1.118.818.764	20.565.269
TỔNG CỘNG	3.981.029.140	20.565.269	3.981.029.140	20.565.269

10. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Nguyên liệu, vật liệu	117.334.384.699	1.385.262.515
Thành phẩm	54.272.771.733	47.867.114.552
Hàng hóa	22.666.515.123	5.517.544.168
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.428.627.501	9.010.795.957
Công cụ, dụng cụ	1.666.303.920	2.749.640.742
Hàng mua đang đi đường	-	25.408.507.815
TỔNG CỘNG	202.368.602.976	91.938.865.749
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.943.000.000)
THUẬN	202.368.602.976	89.995.865.749

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Số đầu kỳ	1.943.000.000	-
Trừ: Sử dụng trong kỳ	(1.943.000.000)	-
Số cuối kỳ	-	-

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế xuất, nhập khẩu	679.612.500	-

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	41.235.753.750	37.526.238.513	8.493.045.581	1.181.861.381	88.436.899.225
Mua mới trong kỳ	113.982.979	100.000.000	157.975.000	-	371.957.979
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(9.905.491.922)	(2.846.223.994)	(821.054.993)	-	(13.572.770.909)
Thanh lý trong kỳ	-	-	(404.826.400)	-	(404.826.400)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	31.444.244.807	34.780.014.519	7.425.139.188	1.181.861.381	74.831.259.895
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	2.877.504.369	3.082.796.106	894.596.963	352.728.996	7.207.626.434
Thế chấp (Thuyết minh số 22)	17.424.888.345	3.141.599.844	1.441.205.580	-	22.007.693.769
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	14.351.178.397	15.469.827.340	3.818.174.815	812.138.508	34.451.319.060
Hao mòn trong kỳ	609.747.552	1.384.404.567	294.599.292	35.170.444	2.323.921.855
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.911.116.735)	(2.038.114.781)	(431.076.330)	-	(8.380.307.846)
Thanh lý trong kỳ	-	-	(404.826.400)	-	(404.826.400)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	9.049.809.214	14.816.117.126	3.276.871.377	847.308.952	27.990.106.669
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	26.884.575.353	22.056.411.173	4.674.870.766	369.722.873	53.985.580.165
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	22.394.435.593	19.963.897.393	4.148.267.811	334.552.429	46.841.153.226

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.787.344.868	136.629.500	1.923.974.368
Chuyển sang bất động sản đầu tư	<u>(1.787.344.868)</u>	<u>-</u>	<u>(1.787.344.868)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>-</u>	<u>136.629.500</u>	<u>136.629.500</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.276.814.535	45.519.385	1.322.333.920
Hao mòn trong kỳ	-	6.551.886	6.551.886
Chuyển sang bất động sản đầu tư	<u>(1.276.814.535)</u>	<u>-</u>	<u>(1.276.814.535)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>-</u>	<u>52.071.271</u>	<u>52.071.271</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>510.530.333</u>	<u>91.110.115</u>	<u>601.640.448</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>-</u>	<u>84.558.229</u>	<u>84.558.229</u>

Quyền sử dụng đất được cầm cố cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 22*)

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và vật kiến trúc	Khác	Tổng cộng
				VND
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định	1.787.344.868	9.905.491.922	3.667.278.987	15.360.115.777
Thanh lý	-	-	(1.284.545.266)	(1.284.545.266)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.787.344.868	9.905.491.922	2.382.733.721	14.075.570.511
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	161.323.588	4.092.436.587	136.233.000	4.389.993.175
Thế chấp (Thuyết minh số 22)	865.697.917	6.121.960.907	-	6.987.658.824
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định	1.276.814.535	5.911.116.735	2.469.191.111	9.657.122.381
Hao mòn trong kỳ	135.630.225	389.138.294	191.593.332	716.361.851
Thanh lý trong kỳ	-	-	(1.061.775.631)	(1.061.775.631)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.412.444.760	6.300.255.029	1.599.008.812	9.311.708.601
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	374.900.108	3.605.236.893	783.724.909	4.763.861.910

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên số tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Sửa chữa máy móc, thiết bị	309.248.903	244.665.712
Khác	253.229.733	253.229.733
TỔNG CỘNG	562.478.636	497.895.445

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên đơn vị	VNĐ			
	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ	14.700.000.000	49%	14.700.000.000	49%

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Bảo hiểm	168.854.704	24.004.684
Khác	108.323.116	178.808.234
	277.177.820	202.812.918
Dài hạn		
Chi phí thuê đất	16.750.326.226	16.950.121.480
Chi phí bảo trì và sửa chữa	993.324.327	222.607.337
Công cụ, dụng cụ	550.217.003	962.290.280
	18.293.867.556	18.135.019.097
TỔNG CỘNG	18.571.045.376	18.337.832.015

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty TNHH MTV Mỹ Hoa	5.615.066.911	-
Công ty TNHH MTV TM DV Minh Liên Hoa	2.818.878.223	-
Công ty TNHH MTV Thoáng Đoan	1.611.120.690	821.026.209
Phải trả đối tượng khác	3.007.688.309	24.700.665.818
TỔNG CỘNG	13.052.754.133	25.521.692.027

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bên thứ ba	542.779.720	1.083.957.820
Công ty TNHH Dung Hải	251.836.000	1.170.450
Khác	290.943.720	1.082.787.370
Bên liên qua (Thuyết minh số 29)	744.989.520	-
Công ty TNHH Bibiba Miền Đông	744.989.520	-
TỔNG CỘNG	1.287.769.240	1.083.957.820

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế giá trị gia tăng	47.326.592	47.326.592
Khác	-	2.242.398.920
TỔNG CỘNG	47.326.592	2.289.725.512

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Kinh phí công đoàn	1.100.548.970	1.593.401.280
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	692.923.770	-
Bảo hiểm xã hội	-	102.223.884
Phải trả, phải nộp khác	242.408.351	2.567.468.019
TỔNG CỘNG	2.035.881.091	4.263.093.183

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

22. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>244.975.050.304</u>	<u>74.003.118.953</u>

Công ty thực hiện các khoản vay này để tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	210.685.460.304	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2015 đến ngày 25 tháng 12 năm 2015	Từ 2,8 đến 3,6	Quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	34.289.590.000	Ngày 18 tháng 10 năm 2015	2,6	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>244.975.050.304</u>			

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B09a-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	147.280.190.000	24.894.688.720	49.630.325.328	(106.693.071.612)	115.112.132.436
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.029.457.727	2.029.457.727
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	147.280.190.000	24.894.688.720	49.630.325.328	(104.663.613.885)	117.141.590.163
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	147.280.190.000	24.894.688.720	49.627.325.328	(95.049.476.471)	126.752.727.577
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.679.343.907	3.679.343.907
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	147.280.190.000	24.894.688.720	49.627.325.328	(91.370.132.564)	130.432.071.484

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Cổ phiếu đã được duyệt	14.728.019	14.728.019
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.728.019	14.728.019
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.728.019	14.728.019

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23.3 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VNĐ)	3.679.343.907	2.029.457.727
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	14.728.019	14.728.019
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VNĐ/cổ phiếu)	250	138

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Tổng doanh thu	348.014.251.196	256.627.065.339
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	<i>347.594.251.196</i>	<i>256.234.554.327</i>
<i>Doanh thu dịch vụ</i>	<i>420.000.000</i>	<i>392.511.012</i>
Trừ	(4.204.999.746)	(649.865.322)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(325.137.637)</i>	<i>(263.607.795)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(3.879.862.109)</i>	<i>(386.257.527)</i>
Doanh thu thuần	<u>343.809.251.450</u>	<u>255.977.200.017</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>343.389.251.450</i>	<i>255.587.089.005</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>420.000.000</i>	<i>390.111.012</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>343.563.051.881</i>	<i>255.977.200.017</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>246.199.569</i>	<i>-</i>

24.2 Doanh thu tài chính

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thu nhập từ cổ tức	3.207.000.000	120.007.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	909.861.349	1.012.074.017
Lãi tiền gửi ngân hàng	325.859.051	345.842.202
TỔNG CỘNG	<u>4.442.720.400</u>	<u>1.477.923.219</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.082.895.589	247.270.259
Chi phí lãi vay	1.959.777.349	1.657.616.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	330.063.851	682.120.692
TỔNG CỘNG	<u>4.372.736.789</u>	<u>2.587.006.959</u>

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thu nhập khác	1.253.815.149	79.901.960
Thanh lý tài sản cố định	476.087.819	-
Bồi thường hàng kém chất lượng từ nhà cung cấp	206.790.000	-
Khác	570.937.330	79.901.960
Chi phí khác	(943.987.981)	(14.008.269)
Chi phí khấu hao của tài sản	(581.544.637)	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(222.769.635)	-
Khác	(139.673.709)	(14.008.269)
GIÁ TRỊ THUẦN	309.827.168	65.893.691

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí nguyên vật liệu	329.559.001.464	299.492.058.349
Chi phí nhân công	18.516.129.295	19.812.072.023
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 14)	3.046.835.592	1.960.692.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.094.310.243	5.185.884.146
Chi phí khác	3.729.860.860	6.775.672.804
TỔNG CỘNG	357.946.137.454	333.226.379.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.679.343.907	1.940.540.925
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	-	236.850.472
Thu nhập từ cổ tức	<u>(3.207.000.000)</u>	<u>(120.007.000)</u>
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	472.343.907	2.057.384.397
Lỗ các năm trước được chuyển	<u>(472.343.907)</u>	<u>(2.057.384.397)</u>
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	-	-

11/11/2015

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế thu nhập hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
			VND	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(29.886.028)	(29.886.028)	-	(58.673.673)
Khác	-	-	-	147.590.475
	(29.886.028)	(29.886.028)		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			-	88.916.802

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 141.825.957.072 VNĐ (31 tháng 12 năm 2014: 142.298.300.979 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2015	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015
2012	2017	152.975.158.226	11.149.201.154	-	141.825.957.072

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ chuyển sang từ năm trước do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai có đủ để sử dụng thời điểm hiện tại.

11/21/2015 10:11

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VNĐ	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Cần Thơ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	3.087.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	Bên liên quan	Bán hàng hóa	246.199.569	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VNĐ	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	Bên liên quan	Ứng trước mua hàng	<u>744.989.520</u>	<u>-</u>
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	Bên liên quan	Bán hàng	<u>-</u>	<u>2.163.153.349</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lương và thưởng	<u>1.078.789.014</u>	<u>836.934.838</u>

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

30. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	237.485.794	84.826.179
Từ 1 đến 5 năm	949.943.174	339.304.716
Trên 5 năm	2.519.840.706	672.174.641
TỔNG CỘNG	<u>3.707.269.674</u>	<u>1.096.305.536</u>

Cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	140.285.794	-
Trên 1 năm	259.028.690	-
TỔNG CỘNG	<u>399.314.484</u>	<u>-</u>

31. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này. Chi tiết như sau:

	VNĐ		
	31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.685.221.941	55.583.583	3.740.805.524
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	463.000.437	463.000.437
Tài sản ngắn hạn khác	518.584.020	(518.584.020)	-

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trương Thị Phương Linh
Người lập biểu



Dư Trường Linh
Kế toán trưởng



Ngày 14 tháng 8 năm 2015